

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày: 30-01-2024

V/v tranh chấp về đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Long Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023, Quyết hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đăng T, sinh năm 1958; nơi thường trú: xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi tạm trú: đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền 06 tháng 6 năm 2023), có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Phúc M, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1985; nơi cư trú: thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 7, ấp B, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Anh Lê Viết B, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Đăng T trình bày:

Ông Nguyễn Văn H vay ông Nguyễn Hoàng T số tiền 1.300.000.000 đồng. Ông H và ông C vay ông Đinh Phúc M số tiền 3.000.000.000 đồng.

Do ông H, ông C mất khả năng thanh toán nên ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa ông T, ông Nguyễn Văn H, ông Đinh Phúc M và ông Lê Thanh C, thỏa thuận về việc ông C, ông H đồng ý bán 250 con bò là tài sản của ông Nguyễn Văn H và ông Lê Thanh C với giá 4.300.000.000 đồng để cản trừ khoản nợ của ông T và khoản nợ của ông M. Hợp đồng mua bán bò đã được các bên thống nhất gồm các ông Lê Thanh C, ông Nguyễn Văn H, ông Đinh Phúc M, và ông Nguyễn Hoàng T ký tên điểm chỉ.

Ngày 26 tháng 01 năm 2023, ông T phát hiện ông M bán khoảng 100 con bò, không thông qua ý kiến của ông T và không trả khoản tiền 1.300.000.000 đồng cho ông T.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, ông T gặp ông M yêu cầu ông M thanh toán cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng khi ông M đã bán 100 con bò. Nếu ông M không thanh toán số tiền nói trên cho thì ông T bắt bò về nuôi, số bò ông T bắt đủ số tiền 1.300.000.000 đồng. Nhưng ông M không đồng ý nên ông T khởi kiện ông M ra Tòa.

Ngày 24 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, ông T và ông M có lập biên bản thỏa thuận như sau:

Điều 1: Đàn bò hiện tại còn 210 con (trước đây 250 con) ông M đang quản lý. Hai bên thỏa thuận giá khoảng 4.300.000.000 đồng, trong đó số tiền của ông T là 1.300.000.000 đồng, tiền ông M là 3.000.000.000 đồng.

Điều 2: Ông Nguyễn Hoàng T và ông Đinh Phúc M chăm sóc đàn bò và thuê công nhân nuôi dưỡng đàn bò.

Điều 3: Mọi chi phí thuốc men ông T và ông M phải thông báo cho nhau biết.

Điều 4: Khi đàn bò bán được thì hai bên thanh toán toàn bộ chi phí thuốc men, tiền công chăm sóc. Số tiền còn lại ông M và ông T chia tỷ lệ trên số tiền ông T là 1.300.000.000, ông M là 3.000.000.000đ.

Điều 5: Trường hợp hai bên không có chi phí bỏ ra trước để trả nhân công và thuốc men thì phải thỏa thuận với nhau việc bán bò và giá bò để chi tiêu những khoản trên.

Văn bản thỏa thuận là vậy, nhưng ông M tiếp tục bán khoảng 50 con bò lớn không thông qua ý kiến của ông T. Việc ông M bán bò để đầu tư vào việc gì ông T không rõ, ông T hỏi ông M không trả lời. Như vậy, ông M đã vi phạm nội dung biên bản thỏa thuận ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông M đã bán hết đàn bò, tâu tán tài sản mà không thông qua ý kiến của ông T, cũng không thanh toán lại cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng theo đúng như thỏa thuận ngày 17 tháng 5 năm 2022. Ông T yêu cầu ông M thanh toán nhưng ông M cho rằng không nợ tiền ông T nên không thanh toán cho ông T.

Quá trình tố tụng, ông T cho rằng hành vi của ông M vi phạm thỏa thuận đã giao kết, tâu tán tài sản, có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xem xét hành vi lừa đảo của ông M đối với ông T.

Bị đơn ông Đinh Phúc M trình bày: Ông Đinh Phúc M và ông Nguyễn Hoàng T có mối quan hệ quen biết. Ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Văn H vay ông M tổng số tiền là 21.000.000.000 đồng. Có lập giấy tờ ghi nhận.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Văn H giao cho ông M đàn bò 250 con và 01 phần đất có diện tích 11.000m² tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương để cầm trừ số nợ 21.000.000.000 đồng. Tại thời điểm này, đàn bò có khoảng hơn 100 con. Việc thỏa thuận này, ông M và ông H, ông C có lập đơn thỏa thuận để ghi nhận sự việc. Sự việc này có bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Thanh H và ông Nguyễn Thế L làm chứng.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, ông T biết việc ông H, ông C giao đàn bò cho ông M để cầm trừ số tiền nợ. Do ông C, ông H có vay ông Nguyễn Hoàng T số tiền 1.300.000.000 đồng nên ông H, ông C liên hệ ông M đến quán cà phê C để gặp ông T. Ông H, ông C và ông T có đề cập đến việc cho ông T cùng đứng chung với ông M nhận đàn bò để cầm trừ số nợ mà ông T đã cho ông H, ông C vay trước đó. Bởi vì, tình cảm anh em nên ông M đồng ý để cho ông T cùng chung với ông M nhận đàn bò. Ông M, ông H, C và ông T cùng thống nhất lập hợp đồng mua bán bò đề ngày 17 tháng 5 năm 2022. Đàn bò 250 con mà ông C, ông H đã giao cho ông M sẽ được dùng để thanh toán số nợ 4.300.000.000 đồng, trong đó ông M 3.000.000.000 đồng, ông T 1.300.000.000 đồng. Bán bò xong, tổng số tiền sẽ được thanh toán theo tỷ lệ nêu trên sau khi trừ đi các chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò. Các bên thống nhất thỏa thuận ghi lùi ngày thành 17 tháng 5 năm 2022. Thực tế thỏa thuận được lập ngày 15 tháng 01 năm 2023.

Khi lập hợp đồng mua bán bò, ông T có hứa sẽ hỗ trợ, phụ giúp ông M chăm sóc đàn bò, gồm phụ giúp, hỗ trợ về tiền bạc, vật tư, tiền thuốc, chăm sóc đàn bò. Tuy nhiên, ông T không thực hiện bất cứ một khoản hỗ trợ, phụ giúp nào để chăm sóc đàn bò.

Khoảng tháng 3 năm 2023, ông T khởi kiện ông M tại Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng về việc đòi lại tài sản là những con bò mà ông M đã đồng ý cho

ông T cùng đứng chung để cản trừ khoản nợ tiền của ông H, ông C. Sau đó, ông M và ông T có lập biên bản thỏa thuận ngày 24 tháng 3 năm 2023 để ghi nhận rõ ràng, cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc chăm sóc đàn bò. Hai bên còn thỏa thuận khi nào bán được đàn bò thì sẽ chia lại số tiền mà trước đây ông H, ông C vay của ông M và ông T.

Tuy nhiên, ông T tiếp tục không thực hiện đúng như những gì đã thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 24 tháng 3 năm 2023 và tiếp tục khởi kiện. Việc ông T không hỗ trợ, không thực hiện đúng như những gì đã cam kết là vi phạm sự thỏa thuận của các bên.

Hiện, đàn bò mà trước đây ông H, ông C thỏa thuận giao cho ông M để cản trừ nợ đã được ông Lê Viết B lấy đi hết. Lý do: trước đây, ông M mượn ông B số tiền 7.500.000.000 đồng nhưng không có khả năng thanh toán, ông B biết việc ông M có đàn bò nên ông B đến siết nợ bằng đàn bò. Khi ông B siết nợ thì đàn bò còn khoảng 100 con, giá trị đàn bò khi ông B siết nợ là 1.200.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông M thanh toán số tiền là 1.300.000.000 đồng, ông M không đồng ý, bởi vì ông M không nhận số tiền 1.300.000.000 đồng từ ông T và ông T cũng không thực hiện đúng như những gì đã cam kết, thỏa thuận tại các văn bản thỏa thuận về việc chăm sóc đàn bò.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H với ông Lê Thanh C, ông Nguyễn Hoàng T và ông Đinh Phúc M có mối quan hệ quen biết với nhau, ông H với ông Lê Thanh C cùng làm nghề mua bán đất chung với nhau. Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại quán cà phê C: ông Lê Thanh C và Nguyễn Văn H (gọi là bên A) cùng với ông Đinh Phúc M (gọi là bên B) và ông Nguyễn Hoàng T có lập Hợp đồng mua bán bò có nội dung như sau: Ông Lê Thanh C và ông Nguyễn Văn H đồng ý bán cho ông Đinh Phúc M 250 (hai trăm năm mươi) con bò, trị giá 4.300.000.000 (bốn tỷ ba trăm triệu) đồng. Sau khi thanh lý đàn bò, ông Đinh Phúc M có trách nhiệm thay ông Nguyễn Văn H trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng. Số tiền này là tiền ông H và ông C cùng vay của ông T nhưng khi viết giấy vay tiền thì chỉ một mình ông H đứng tên vay. Khi ông M trả hết số tiền nợ trên cho ông T thì giấy vay nợ đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa ông H và ông C với ông T sẽ không còn hiệu lực. Ông H, ông C sẽ không còn nợ ông T số tiền 1.300.000.000 đồng đã vay nêu trên. Ngoài ra, giữa ông M và ông T còn thỏa thuận: ông T có trách nhiệm hỗ trợ ông M chăm sóc sức khỏe đàn bò (hỗ trợ chích thuốc, hỗ trợ ông M về sức khỏe con bò khi ông M cần, Hợp đồng này được ông M, ông T, ông H, ông C thống nhất nội dung và tất cả cùng ký, ghi rõ họ tên. Chiều cùng ngày, ông M, ông T vào trại tiếp nhận đàn bò và quản lý chăm sóc nuôi dưỡng kể từ thời điểm đó đến nay. Trên cơ sở Hợp đồng mua bán bò lập ngày 17 tháng 5 năm 2022 được ông M, ông T, ông H và ông C cùng thống nhất ký, ghi rõ họ tên. Ngày 24 tháng 3 năm 2023, ông T và ông M lập Biên bản thỏa thuận với nội dung: Hiện còn khoảng 210 con bò ông M đang trực

tiếp quản lý. Hai bên thỏa thuận trị giá khoảng 4.300.000.000 đồng, trong đó: tiền của ông T là 1.300.000.000 đồng và tiền của ông M là 3.000.000.000 đồng. Ông T và ông M cùng chăm sóc và thuê nhân công nuôi dưỡng đàn bò. Ông T được quyền vào chăm sóc đàn bò cùng ông M, ông T lo thuốc men và sức khỏe đàn bò; ông M thuê nhân công chăm sóc. Mọi chi phí chăm sóc thuốc men ông T và ông M đều phải thỏa thuận và thông báo cho nhau biết. Khi bò đạt bán được thì hai bên thanh toán toàn bộ chi phí chăm sóc, thuốc men, nhân công xong. Số tiền còn lại ông M và ông T chia theo tỷ lệ trên số tiền ông T 1.300.000.000 đồng, ông M 3.000.000.000 đồng. Trường hợp hai bên không chi phí bỏ ra trước để trả nhân công và thuốc men phải thỏa thuận nhau việc bán bò và giá bỏ để chỉ tiêu những khoản trên và lưu lại hóa đơn chứng từ. Nếu không bán được thì hai bên cùng có trách nhiệm bỏ tiền để chỉ trả các chi phí trên. Nay ông T khởi kiện, ông H có ý kiến như sau: Căn cứ Hợp đồng mua bán bò lập ngày 17 tháng 5 năm 2022 được ông M, ông T, ông H và ông C cùng thống nhất nội dung ký, ghi rõ họ tên và Biên bản thỏa thuận lập ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa ông T với ông M thì ông H và ông C đã giao cho ông M đàn bò 250 con trị giá 4.300.000.000 đồng với mục đích để khấu trừ số tiền ông C nợ của ông M 3.000.000.000 đồng, ông H và ông C vay ông T 1.300.000.000 đồng. Việc thỏa thuận giao đàn bò để cân trừ nợ đã thực hiện xong, ông M và ông T đã nhận đàn bò. Sau khi nhận đàn bò thì giữa ông M và ông T thực hiện thỏa thuận như thế nào thì ông H không rõ. Vì vậy, đề nghị ông M và ông T thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong 02 văn bản nêu trên. Ngoài ra, ông H không có ý kiến gì khác. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì không thể tham gia tố tụng được, cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh C trình bày: Ông C và ông Nguyễn Văn H có quan hệ quen biết, làm ăn chung. Hợp đồng mua bán bò đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 thực tế là cuối năm 2022. Tại thời điểm ký hợp đồng ông C đồng ý giao đàn bò khoảng 250 con tại ấp B, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương cho ông Đinh Phúc M để thanh toán số tiền 4.300.000.000 đồng. Vì anh em làm ăn chung nên ông C đồng ý giao đàn bò cho ông H để bán cho ông M. Trong đó, ông H, ông M thống nhất sau khi thanh lý bò thì trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 1.300.000.000 đồng, trách nhiệm ông M phải trả cho ông T. Về số tiền ông H vay ông T thì ông C không biết. Nay, ông T kiện ông M, ông C không có ý kiến. Ông C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì bận công việc không thể tham gia tố tụng được, cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Viết B trình bày: Ông B không quen biết ông Nguyễn Hoàng T. Ông B và ông Đinh Phúc M có mối quan hệ quen biết. Ông M vay ông B số tiền 7.500.000.000 đồng.

Tháng 6 năm 2023, ông B yêu cầu ông M trả số tiền đã vay là 7.500.000.000 đồng, ông M nói để ông M sắp xếp bán bò để trả tiền. Sau đó,

ông B ghé trại bò của ông M để xem, ông B nói để ông B kêu người vô xem, được giá thì ông M bán để trả bớt tiền cho ông B, ông M đồng ý.

Khoảng cuối tháng 6 năm 2023, ông B kêu người vào xem bò, ông M đồng ý bán toàn bộ bò (hơn 90 con bò cả lớn và nhỏ) với giá 1.200.000.000 đồng. Người mua bò trả tiền cho ông M, ông M sử dụng tiền này để trả một phần nợ cho ông B. Sau đó, ông M bán thêm chiếc xe ô tô để trả tiền nợ cho ông B. Tổng số tiền ông M đã trả cho ông B được 1.500.000.000 đồng, còn nợ lại 6.000.000.000 đồng. Trong vụ án này, ông B không có yêu cầu gì đối với ông M. Về yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông M, ông B không có ý kiến. Ông B đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì bận công việc không thể tham gia tố tụng được, cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng có công văn số 270/TA-VP gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương về việc kiến nghị làm rõ hành vi của ông Đinh Phúc M có dấu hiệu tội phạm hay không. Tại văn bản số 1251/VPCQCSĐT (Đ3) ngày 19 tháng 10 năm 2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương cho rằng quá trình giải quyết vụ án nếu có căn cứ xác định có hành vi phạm tội thì kiến nghị khởi tố đến Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Đinh Phúc M giữ nguyên ý kiến trình bày, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Lê Thanh C và ông Lê Viết B vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của BLTTDS.

Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của BLTTDS và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS, người liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền, và nghĩa vụ liên quan tại Điều 70, 73 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện ông Đình Phúc M yêu cầu trả 1.300.000.000 đồng tiền bán bò, do đó xác định đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của BLTTDS. Trong vụ án này bị đơn có nơi cư trú tại ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương là đúng theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về nội dung tranh chấp: Qua quá trình nghiên cứu vụ án và đánh giá chứng cứ Kiểm sát viên nhận định như sau:

- Căn cứ hợp đồng bán bò ngày 17 tháng 5 năm 2022; Biên bản thỏa thuận tại tòa án ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc nuôi bò và chia lợi nhuận sau khi bán bò; Lời khai và chứng cứ ông T và ông M cung cấp Hợp đồng bán bò ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Biên bản thỏa thuận tại tòa án ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc nuôi bò và chia lợi nhuận sau khi bán bò của ông T và ông M là chứng cứ mà hai bên công nhận nên là chứng cứ của vụ án. Ngoài ra theo biên bản thỏa thuận tại tòa án ngày 24 tháng 3 năm 2023, ông M là người giữ 210 con bò và chăm sóc, ông T chịu trách nhiệm phụ giúp ông M chăm sóc và trả tiền thuốc, chi phí chữa bệnh. Ông M bán bò hoặc bò chết phải thông báo cho ông T biết. Tuy nhiên, việc bò chết nhiều, việc bán bò, chi phí chăn nuôi, ông M không thông báo cho ông T nên đây là lỗi của ông M. Việc chứng minh bò chết, chi phí chăn nuôi và việc bán bò, ông M không có chứng cứ để chứng minh về giá của đàn bò. Vì vậy, ông M phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện ông Đinh Phúc M, yêu cầu ông M trả cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Đinh Phúc M có nơi cư trú tại ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Lê Thanh C và ông Lê Viết B có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông C và ông B theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hợp đồng mua bán bò:

Các đương sự cùng xác định, ông Lê Thanh C, ông Nguyễn Văn H lập hợp đồng bán 250 con bò cho ông Đinh Phúc M và ông Nguyễn Hoàng T để khấu trừ số tiền mà ông Nguyễn Văn H nợ ông Nguyễn Hoàng T 1.300.000.000 đồng, ông H và ông C nợ ông Đinh Phúc M 3.000.000.000 đồng. Số bò 250 con, sau khi bán trừ các chi phí sẽ được trả cho ông M, ông T tương ứng tỷ lệ theo số tiền nợ. Hợp đồng ghi ngày 17 tháng 5 năm 2022, nhưng thực tế các bên thỏa thuận và bàn giao toàn bộ đàn bò vào ngày 16 tháng 01 năm 2023. Chữ ký, trong hợp đồng là của ông C, ông H, ông T và ông M. Việc thỏa thuận khấu trừ số tiền nợ bằng hợp đồng mua bán bò là có thật, do hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết với nhau. Hai bên xác lập lại giao dịch bằng văn bản, khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Đàn bò được xác định tài sản chung theo phần của ông T và ông M.

Ông C, ông H đã bàn giao cho ông M toàn bộ số bò nói trên, ông M là người trực tiếp trông coi chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò. Theo thỏa thuận ông T có trách nhiệm hỗ trợ ông M chăm sóc sức khỏe đàn bò, hỗ trợ chích thuốc, hỗ trợ ông M về sức khỏe bò khi ông M cần.

Ông M không chứng minh được quá trình chăm sóc, quản lý đàn bò yêu cầu ông T hỗ trợ chi phí, không chứng minh được chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò, đồng thời ông M tự ý bán một số con bò không thông qua ý kiến của ông T. Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông M xác định vẫn còn đàn bò khoảng 210 con. Thời điểm Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ ông M đã bán toàn bộ đàn bò, cho rằng ông Lê Viết B siết nợ. Tuy nhiên, ông M cùng ông B xác định ông M bán cho ông B đàn bò để khấu trừ một phần nợ của ông M đối với ông B.

Ông M là người sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, ông T là chủ thể có quyền đối với tài sản được quyền truy đòi theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự. Việc ông M tự ý định đoạt tài sản chung là đàn bò không được sự đồng ý của ông T, ông M tự ý định đoạt giá trị đàn bò thì ông M phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông T số tiền như đã thỏa thuận với ông C, ông H và ông T đã được ghi nhận bằng văn bản đề ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Do đó, ông T yêu cầu ông M trả số tiền 1.300.000.000 đồng là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

[4.1] Về án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí.

Bị đơn ông Đinh Phúc M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4.2] Về chi phí tố tụng: Chi phí vật tư thanh toán cho Trung tâm nghiên cứu và phát triển gia súc lớn, chi phí hỗ trợ xem xét thẩm định tại chỗ là 8.600.000 (tám triệu sáu trăm nghìn) đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu chi phí tố tụng. Ông Đinh Phúc M phải chịu chi phí tố tụng do yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T được Tòa án chấp nhận theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T đối với bị đơn ông Đinh Phúc M về việc tranh chấp đòi tài sản.

Buộc ông Đinh Phúc M trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu chi phí tố tụng.

Ông Đinh Phúc M phải nộp 8.600.000 (tám triệu sáu trăm nghìn) đồng chi phí tố tụng để trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông T 25.500.000 (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010262 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Đinh Phúc M phải nộp 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết